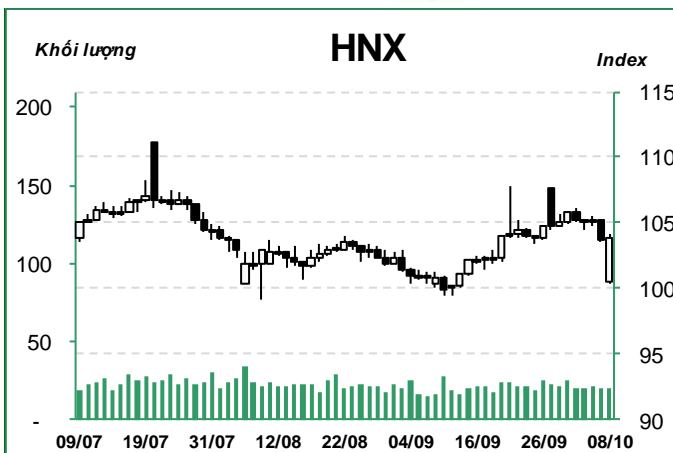
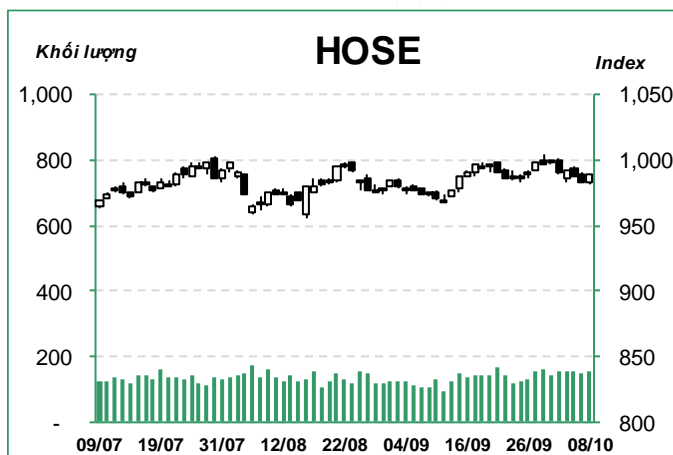


Tổng quan thị trường

08/10/2019	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	988.22	0.52%	915.27	0.86%	103.92	0.18%
Cuối tuần trước	987.59	0.06%	915.16	0.01%	105.16	-1.18%
Trung bình 20 ngày	991.38	-0.32%	912.90	0.26%	104.06	-0.14%
Tổng KLGD (triệu cp)	178.38	-1.79%	77.35	8.20%	21.79	-19.99%
KLGD khớp lệnh	153.45	2.02%	65.24	7.24%	20.06	2.36%
Trung bình 20 ngày	145.10	5.75%	59.14	10.33%	21.36	-6.10%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	3,561.00	-12.08%	2,190.35	-4.28%	341.12	-23.25%
GTGD khớp lệnh	2,900.02	-6.43%	1,869.89	-5.64%	290.93	-15.17%
Trung bình 20 ngày	3,188.31	11.69%	1,992.88	9.91%	286.37	19.12%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	158	43%	20	67%	60	16%
Số mã giảm	144	39%	9	30%	54	15%
Số mã đứng giá	67	18%	1	3%	253	69%



Thị trường tìm lại được sắc xanh sau hai phiên giảm điểm trước đó. Vận động giằng co trong phiên sáng nhưng trợ lực từ cổ phiếu nhóm Bank với đại diện là VCB cũng như các cổ phiếu vốn hóa lớn như MWG, HPG, HVN, MSN, BVH... giúp VNINDEX hồi phục mạnh và đóng cửa tăng 5 điểm. Đà tăng của thị trường được hỗ trợ bởi thanh khoản trên hai sàn đều có được sự cải thiện nhẹ so với phiên trước. Về diễn biến của khối ngoại, nhà đầu tư quay đầu bán ròng nhẹ trên HNX trong khi duy trì đà bán ròng trên HOSE.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 988.22 điểm (+0.52%), với KLGD khớp lệnh đạt 153.4 triệu cổ phiếu (+2.0%), tương đương 2,900 tỷ đồng giá trị (-6.4%).

Nhóm Ngân hàng có ngày giao dịch khởi sắc với Vietcombank-VCB (+2.8%) dẫn đầu đà tăng, bên cạnh các cổ phiếu BIDV-BID (+1.7%), Techcombank-TCB (+1.7%), Sacombank-STB (+4.8%) đóng góp sắc xanh cho chỉ số. Các cổ phiếu vốn hóa lớn như Hòa Phát-HPG (+2.8%), Vietnam Airline-HVN (+2.1%), Tập đoàn Bảo Việt-BVH (+1.7%), Tập đoàn Masan-MSN (+0.5%) đều có mức tăng tốt, hỗ trợ cho thị trường. Ở chiều ngược lại, một số các cổ phiếu PV Gas-GAS (-0.8%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (-1.2%) của nhóm Dầu khí và Vinhomes-VHM (-0.4%), Vincom Retail-VRE (-0.8%) nhóm Bất động sản có diễn biến không mấy lạc quan, kiềm hãm đà tăng của chỉ số.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 60.3 tỷ đồng (+33.3%), chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu GAS (-20.2 tỷ), HPG (-11.5 tỷ), TNA (-9.1 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VPB	6,613.0	142.45
SSI	3,845.0	85.82
ANV	1,565.6	40.08
NVL	630.0	37.69
SMC	2,946.9	33.89
GEX	983.9	21.42
CTF	900.0	19.80
DBD	350.6	19.28
TRC	492.0	19.19
SAB	70.0	18.25
HNX		
HHC	170.0	19.06
VC3	549.9	12.87
DL1	453.0	9.38
GKM	229.0	3.44
VCG	100.0	2.65
SJ1	112.6	1.97
VMC	59.7	0.61
SHB	23.0	0.16
ART	30.0	0.05

Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 103.92 điểm (+0.18%), với KLGD khớp lệnh đạt 20.1 triệu cổ phiếu (+2.4%), tương đương 290.9 tỷ đồng giá trị (-15.2%).

Có diễn biến tương tự, HNX tăng điểm nhờ vào sự tích cực của cổ phiếu Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.4%) nhóm Ngân hàng, bên cạnh là các cổ phiếu Bến xe ĐLGL-DL1 (+6.3%), Bến xe Miền Tây-WCS (+1.8%), Sân bay Đà Nẵng-MAS (+2.1%) của nhóm Vận tải và Xây lắp dầu khí VN-PVX (+8.3%), XD và TM Việt Nam-MBG (+2.5%), Sông Đà 6-SD6 (+6.5%) của nhóm Xây dựng cũng hỗ trợ đà tăng cho chỉ số. Gây áp lực cho chỉ số trong phiên là các cổ phiếu VICOSTONE-VCS (-1.8%) nhóm Vật liệu xây dựng và Bảo hiểm PVI-PVI (-4.0%) nhóm Bảo hiểm.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 13.2 tỷ đồng, lực bán tập trung vào các mã PVS (-13.6 tỷ), CEO (-2.8 tỷ), PVI (-1.1 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước đó và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên là một tín hiệu tích cực về dòng tiền có thể vẫn đang ở lại thị trường. Tuy nhiên, chỉ số đóng cửa dưới MA20, kèm theo chỉ báo MACD đi xuống dưới Signal và +DI cắt xuống dưới -DI, cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn vẫn còn. Do đó, chúng tôi không loại trừ phiên tăng điểm vừa qua có thể mang tính hồi kỹ thuật khi tiệm cận ngưỡng hỗ trợ MA50. Vì vậy, nhà đầu tư nên quan sát kĩ diễn biến của chỉ số tại ngưỡng kháng cự xu hướng quanh 989 -990 điểm (MA20) trước khi có quyết định với các vị thế giải ngân mới. Đối với sàn Hà Nội, HNX có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại khi tiệm cận vùng hỗ trợ quanh MA20 và 100, cho thấy chỉ số có thể vẫn nằm trong xu hướng phục hồi ngắn hạn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể quay lại xu hướng chính và hướng tới ngưỡng kháng cự gần quanh 104.8 điểm (MA200) và xa hơn có thể là vùng 106 điểm (vùng đỉnh cũ tháng 9/2019). Nhìn chung, phiên tăng điểm 08/10, cho thấy động lực phục hồi của thị trường được cải thiện. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên quan sát kĩ diễn biến của thị trường tại các ngưỡng kháng cự xu hướng, trước khi có quyết định với các vị thế mua mới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TCO	12.3	0.1	7.0%
JVC	4.1	1,712.1	7.0%
FTM	4.8	178.7	7.0%
TSC	2.8	2,998.4	7.0%
NAV	8.1	0.0	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LSS	4.9	19.2	-7.0%
TDW	22.2	0.5	-6.7%
FDC	16.0	1.3	-5.9%
VDP	32.1	0.2	-5.7%
TMT	5.5	1.3	-5.7%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ROS	25.9	496.9	-0.6%
VPB	22.0	136.8	1.2%
STB	11.0	126.1	4.8%
VCB	85.1	122.9	2.8%
MBB	22.7	111.1	1.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	25.9	19,365.6	-0.6%
STB	11.0	11,683.0	4.8%
HQC	1.1	7,131.2	-2.6%
FLC	3.3	6,947.1	-2.4%
VPB	22.0	6,267.4	1.2%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.5	7.6	25.0%
HKB	0.7	106.4	16.7%
KTS	11.1	4.8	9.9%
VTG	16.8	0.2	9.8%
SGD	10.2	0.1	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.4	119.2	-20.0%
LDP	23.6	1.3	-9.9%
TKC	9.1	1.9	-9.9%
VSA	18.5	1.2	-9.8%
BTW	24.3	5.5	-9.7%

Top 5 giá trị

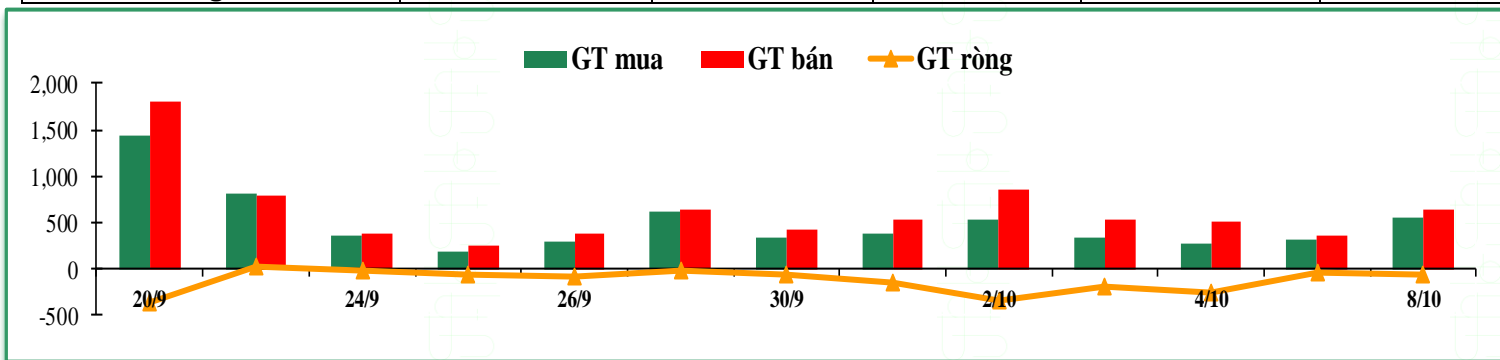
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	93.8	59.0	-1.8%
PVS	18.4	44.1	-1.1%
CEO	9.8	29.4	-1.0%
ACB	23.3	26.9	0.4%
PVI	31.4	13.7	-4.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CEO	9.8	3,034.4	-1.0%
PVS	18.4	2,385.4	-1.1%
SHB	6.5	1,642.4	0.0%
ACB	23.3	1,159.7	0.4%
IDJ	6.5	1,156.8	6.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	554.4	19.1%	614.7	21.2%	-60.3
HNX	7.4	2.5%	20.5	7.1%	-13.2
Tổng số	561.8		635.2		-73.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	85.1	60.8	2.8%
VIC	117.1	21.4	0.1%
SAB	258.5	13.4	-0.6%
VCI	34.7	13.0	3.3%
MSN	76.9	11.5	0.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
GAS	99.9	21.4	-0.8%
VIC	117.1	19.1	0.1%
HPG	21.9	15.4	2.8%
HDB	27.6	13.7	0.7%
SAB	258.5	13.7	-0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	85.1	60.1	2.8%
KBC	15.1	7.8	1.0%
MSN	76.9	4.5	0.5%
PLX	58.3	3.4	0.2%
BID	41.1	2.3	1.7%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	18.4	2.5	-1.1%
SHB	6.5	1.7	0.0%
IDJ	6.5	1.0	6.6%
VCS	93.8	0.5	-1.8%
SCI	15.9	0.4	1.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	18.4	16.1	-1.1%
CEO	9.8	2.8	-1.0%
PVI	31.4	1.1	-4.0%
VCS	93.8	0.2	-1.8%
BCC	7.3	0.1	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	6.5	1.6	0.0%
IDJ	6.5	0.9	6.6%
SCI	15.9	0.4	1.9%
SHS	8.3	0.4	1.2%
VCS	93.8	0.3	-1.8%

Tin trong nước

Những ngân hàng đầu tiên báo lợi nhuận 9 tháng

Vừa qua, Sacombank (HoSE: STB) công bố kết quả kinh doanh 3 quý với lợi nhuận trước thuế 2.491 tỷ đồng, tăng 90% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 94% kế hoạch năm. Riêng quý III, ngân hàng thu về 1.030 tỷ đồng lãi trước thuế, tăng 224% so với cùng kỳ 2018.

Tổng thu nhập thuần 9 tháng đạt 10.861 tỷ đồng, tăng 36%. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 7.405 tỷ đồng, tăng 34%. Thu dịch vụ đạt 2.131 tỷ đồng, tăng 21%. Thu kinh doanh ngoại hối 422 tỷ đồng, tăng 35% và thu từ hoạt động khác đạt 845 tỷ đồng, tăng 176%.

Sacombank là một trong những ngân hàng được nói chỉ tiêu tín dụng năm 2019. Theo một nguồn tin, ban đầu, Sacombank chỉ được giao tăng trưởng dư nợ 7% nhưng chỉ sau 4 tháng đã chạm mức này và có thời điểm bị hạn chế giải ngân. Sau khi NHNN nói chỉ tiêu, hoạt động cho vay của ngân hàng trở lại bình thường. Tuy nhiên, con số chỉ tiêu cụ thể không được đề cập.

Tính đến 30/9, tổng tài sản ngân hàng đạt 450.200 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm. Huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 408.882 tỷ đồng, tăng 15%, cho vay đạt 290.934 tỷ đồng, tăng 13%. Tỷ lệ nợ xấu giảm từ 2,11% xuống còn 1,96% nhờ tái cơ cấu danh mục cho vay, kiểm soát chặt chẽ và hạn chế cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng.

Thời gian qua, Sacombank tích cực rao bán tài sản đảm bảo là bất động sản, chủ yếu tập trung ở TP HCM để thu hồi nợ. Ngân hàng này đã hoàn tất bán 1 trong 3 khu đất có giá trị lớn nhất trong số tài sản thanh lý là bất động sản tại khu dân cư phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, từng được rao giá khởi điểm 3.424 tỷ đồng.

Vietcombank (HoSE: VCB) cũng vừa tổ chức hội nghị sơ kết 9 tháng công bố lợi nhuận kỷ lục 17.592 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ, tương đương 86% kế hoạch năm. Riêng quý III, ngân hàng lãi trước thuế 6.289 tỷ đồng, tăng 70%.

Đến cuối tháng 9, tổng huy động vốn của ngân hàng đạt 998.247 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng đạt 709.128 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2018. Về chất lượng tài sản, ngân hàng đã thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.862 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch HĐQT giao năm 2019.

Năm nay, Vietcombank đặt mục tiêu tổng tài sản sẽ tăng 12% đạt hơn 1,2 triệu tỷ đồng. Dư nợ tín dụng, tăng 15% đạt hơn 735.000 tỷ đồng, huy động vốn tăng 11 - 13% và lợi nhuận trước thuế hợp nhất 20.000 tỷ đồng.

Vietcombank là ngân hàng dẫn đầu về lợi nhuận trong 3 năm gần đây với chất lượng tài sản và tỷ lệ nợ xấu thuộc nhóm 2 ngân hàng tốt nhất hệ thống, bên cạnh ACB.

TPBank (HoSE: TPB) là ngân hàng công bố kết quả 9 tháng sớm nhất với lãi trước thuế 2.400 tỷ đồng, tăng 49% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 75% kế hoạch 2019. Tổng huy động đạt gần 135.000 tỷ đồng, tương đương 95% kế hoạch đề ra.

Năm 2019, TPBank đặt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 3.200 tỷ đồng, tăng 41% so với 2018. Tổng tài sản dự kiến 158.000 tỷ đồng, tăng 16%. Ngân hàng cũng đặt mục tiêu huy động trên 142.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt trên 101.000 tỷ đồng, cao hơn 20% so với cuối năm trước. Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu kiểm soát dưới 2%.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Mía đường Sơn La chia cổ tức tiền mặt 50%

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (HNX: SLS) vừa thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2018-2019 với tỷ lệ thực hiện 50% (1 cổ phiếu được nhận 5.000 đồng). Với 9,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 49 tỷ đồng.

Công ty chưa chốt ngày giao dịch cuối cùng để thực hiện quyền. Thời gian chi trả dự kiến từ ngày 18/11. Nguồn vốn được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Năm tài chính 2018-2019, Mía đường Sơn La ghi nhận doanh thu thuần 879 tỷ đồng, tăng 46% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ thu về hơn 63 tỷ đồng, giảm 45% so với cùng kỳ năm cũ. Kết quả này là do tổng sản lượng mía cả năm tăng 2,6% nhưng giá bán đường bình quân lại giảm sâu về khoảng 10.156 đồng/kg.

Phát Đạt chủ trương mua 99% vốn một công ty địa ốc ở Bình Dương

HDQT CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) vừa chấp thuận chủ trương mua 99% vốn tại CTCP Địa ốc Sài Gòn - KL (công ty SKL). Công ty này được thành lập năm 2008, có trụ sở tại Thửa đất số 1186 - 1187, khu phố Bình Đức, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Nếu thành công, Phát Đạt sẽ nắm 99% cổ phần công ty SKL.

HDQT giao ông Nguyễn Văn Đạt, Chủ tịch HDQT kiêm Tổng giám đốc đàm phán, quyết định giá nhận chuyển nhượng, phương thức thanh toán và ký hợp đồng chuyển nhượng.

TNA báo lãi riêng lẻ quý III gấp gần 10 lần cùng kỳ nhờ thoái vốn khỏi dự án Happy Home

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (HoSE: TNA) thông báo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu. Riêng quý III, công ty đạt 1.008,6 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 10,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 130,8 tỷ đồng, gấp 9,6 lần cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng, tổng doanh thu đạt 3.120,7 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 163,3 tỷ đồng, gấp 2,5 lần 9 tháng đầu năm 2018.

Theo giải trình, lợi nhuận quý III của công ty mẹ tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước do tất toán khoản đầu tư vào dự án Happy Home tại Cà Mau thông qua chuyển nhượng cổ phần. Công ty đã thu toàn bộ số tiền gần 245 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế (sau khi trừ đi các chi phí trực tiếp của khoản đầu tư) gần 119 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VHM	Chốt lời	9/10/2019	88.6	86.7	2.2%	95.0	10%	82.0	-5%	Cổ phiếu yếu đi
2	NLG	Mua	9/10/2019	29.35	29.35	0.0%	34.0	15.8%	28.1	-4.3%	Phiên vượt kháng cự 29 sau tín hiệu false breakout

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PTB	Mua	4/10/2019	69.80	70.90	-1.6%	80.0	13%	67.9	-4%	
2	TDC	Mua	4/10/2019	9.48	9.22	2.8%	10.8	17%	8.7	-6%	
3	PPC	Mua	1/10/2019	26.15	26.30	-0.6%	31.5	20%	24.5	-7%	
4	SMB	Nắm giữ	25/9/2019	40.55	38.50	5.3%	43.0	12%	36.2	-6%	
5	LCG	Mua	18/9/2019	9.80	9.39	4.4%	10.8	15%	9.0	-4%	
6	NTP	Mua	17/9/2019	38.90	37.90	2.6%	46.0	21%	36.5	-4%	
7	HBC	Nắm giữ	13/9/2019	14.00	13.70	2.2%	16.0	17%	12.9	-6%	
8	VNM	Mua	10/9/2019	129.00	122.50	5.3%	134.0	9%	117.0	-4%	
9	VCB	Nắm giữ	22/8/2019	85.10	80.00	6.4%	88.1	10%	76.0	-5%	
10	BMP	Mua	8/8/2019	53.10	49.20	7.9%	55.0	12%	45.9	-7%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 08/10/2019									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT1903	6,000	13,100	2.34 %	118%	1,076	83	56,100	10,620	(2,480)	SSI	FPT	46,000	1	30/12/2019
CFPT1904	1,700	2,690	3.46 %	58%	6,699	42	56,100	1,466	(1,224)	MBS	FPT	52,000	3	19/11/2019
CHPG1902	1,000	130	-7.14 %	-87%	72,371	64	21,900	(0)	(130)	KIS	HPG	41,999	5	11/12/2019
CHPG1905	3,300	2,200	2.33 %	-33%	11,438	83	21,900	143	(2,057)	SSI	HPG	23,100	1	30/12/2019
CHPG1906	3,750	380	15.15 %	-90%	11,222	84	21,900	147	(233)	SSI	HPG	23,100	1	31/12/2019
CMBB1902	3,200	3,900	-1.27 %	22%	6,963	70	22,700	1,117	(2,783)	HSC	MBB	21,800	1	17/12/2019
CMSN1901	1,920	970	2.11 %	-49%	7,627	37	76,900	0	(970)	KIS	MSN	88,888	5	14/11/2019
CMWG1902	2,990	9,000	2.27 %	201%	4,291	64	123,000	8,446	(554)	VND	MWG	90,000	4	11/12/2019
CMWG1903	2,700	6,550	5.65 %	143%	3,254	79	123,000	5,805	(745)	HSC	MWG	95,000	5	26/12/2019
CMWG1904	14,000	38,000	0 %	171%	1,698	83	123,000	29,074	(8,926)	SSI	MWG	95,000	1	30/12/2019
CREE1901	1,260	1,410	0.71 %	12%	13,563	42	38,000	251	(1,159)	MBS	REE	37,550	3	19/11/2019
CVIC1901	1,960	930	-4.12 %	-53%	6,886	37	117,100	0	(930)	KIS	VIC	140,888	5	14/11/2019
CVNM1901	1,200	700	-1.41 %	-42%	71,514	66	129,000	0	(700)	KIS	VNM	158,888	10	13/12/2019
CVRE1901	1,900	720	1.41 %	-62%	4,229	37	31,250	(0)	(720)	KIS	VRE	40,888	2	14/11/2019
CDPM1901	1,900	2,510	7.26 %	32%	343	93	14,600	849	(1,661)	KIS	DPM	13,988	1	09/01/2020
CNVL1901	1,900	2,780	0.72 %	46%	1	122	62,600	587	(2,193)	KIS	NVL	62,088	4	07/02/2020
CSTB1901	1,390	1,740	19.18 %	25%	19,548	93	11,000	328	(1,412)	KIS	STB	10,888	1	09/01/2020
CVHM1901	3,100	3,960	-0.25 %	28%	1,711	122	88,600	653	(3,307)	KIS	VHM	89,888	4	07/02/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018/19E (tỷ)	EPS 2018/19E	BV 2018/19E	ROE 2018/19E	ROA 2018/19E	PE 2018/19E	PB 2018/19E	Cổ tức dự kiến**
BMP (New)	HOSE	53,100	60,853	20/09/2019	468	5,715	28,611	19%	17%	10.7	2.3	40%
CVT (New)	HOSE	22,300	21,779	16/08/2019	164	4,456	18,327	28%	13%	4.9	1.1	25%
ANV (New)	HOSE	25,500	32,432	15/08/2019	677	5,341	16,990	31%	17%	6.1	1.9	N/A
PTB (New)	HOSE	69,800	77,941	31/07/2019	439	9,031	45,750	33%	15%	8.0	N/A	35%
PVS (New)	HNX	18,400	28,300	30/07/2019	1,356	2,837	26,976	11%	6%	10.0	1.0	7%
TNG (New)	HNX	18,100	22,378	27/07/2019	306	4,929	16,924	23%	7%	N/A	N/A	N/A
NKG (New)	HOSE	5,830	6,200	24/07/2019	41	226	16,909	1%	1%	27.0	N/A	N/A
FMC	HOSE	27,100	34,462	17/07/2019	205	4,244	17,316	25%	13%	8.1	2.0	20%
DGW	HOSE	25,000	27,415	12/07/2019	128	3,059	20,794	15%	5%	9.0	1.3	5%
VCS	HNX	93,800	74,930	10/07/2019	1,325	8,284	20,993	49%	30%	9.0	3.5	40%
MWG	HOSE	123,000	103,577	27/06/2019	3,705	8,163	24,967	33%	11%	12.7	4.1	15%
STK	HOSE	18,750	27,398	04/06/2019	211	2,980	15,841	19%	9%	9.2	1.7	15%
PHR	HOSE	59,000	55,300	23/05/2019	1,065	7,858	N/A	37%	20%	7.0	2.4	40%
HPG	HOSE	21,900	33,600	19/04/2019	8,501	4,003	N/A	23%	13%	10.0	2.6	N/A
MSN	HOSE	76,900	96,375	18/04/2019	5,206	4,476	33,331	14%	8%	22.0	2.9	N/A
GAS	HOSE	99,900	90,500	11/04/2019	11,510	6,014	N/A	24%	16%	16.0	2.6	N/A
POW	HOSE	12,950	19,100	13/03/2019	2,133	911	10,685	9%	4%	21.0	1.8	7%
CTD	HOSE	90,600	157,632	25/01/2019	1,608	21,302	117,140	19%	9%	7.4	1.3	50%
BMP	HOSE	53,100	75,200	09/01/2019	499	6,090	33,553	19%	16%	12.4	2.2	40%
CTI	HOSE	24,700	30,370	24/12/2018	139	1,789	23,470	10%	3%	16.9	1.3	10%
QNS	HOSE	29,800	47,753	21/12/2018	1,097	3,751	16,965	23%	15%	12.7	2.8	15%
ANV	HOSE	25,500	42,824	12/12/2018	588	3,890	14,795	38%	18%	12.0	2.9	20%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.